

Số: 5115 /BGDDĐT-CSVC
V/v triển khai nội dung thành phần giáo dục
và đào tạo thuộc Chương trình MTQG xây
dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (Chương trình), Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình như sau:

I. THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Các văn bản quy định

- Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn (các Quyết định số 318, 319, 320, 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ);
- Quyết định số 1491/QĐ-BGDDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

2. Thực hiện đánh giá các tiêu chí giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp (xã, huyện, tỉnh)

- Tiêu chí đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ GDĐT (Thông tư số 13/2020/TT-BGDDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT), việc xác định tỷ lệ trường học đạt tiêu chuẩn theo số lượng các trường công lập trên địa bàn;
- Các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ);
- Trung tâm học tập cộng đồng, cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT (Thông tư số 44/2014/TT-BGDDĐT ngày 12/12/2014 về việc đánh giá quy định về đánh giá xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã; Công văn số 2553/BGĐT-GDĐT ngày 18/4/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đánh giá trung tâm học tập cộng đồng);
- Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia theo quy định về kiểm định

chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT);

- Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ GDĐT¹.

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM

1. Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục bảo đảm hiệu quả; thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, bảo đảm hiệu quả đầu tư lâu dài. Ưu tiên quỹ đất để xây dựng trường, lớp học ở các khu tái định cư, khu đông dân cư, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cơ sở giáo dục có tổ chức nội trú, bán trú cho học sinh;

- Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có của các cơ sở giáo dục, trên cơ sở đó, xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình, bảo đảm cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo quy định; ưu tiên thực hiện học 2 buổi/ngày đối với cấp mầm non, tiểu học. Lập kế hoạch chi tiết cụ thể, tổ chức thực hiện tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học đáp ứng yêu cầu;

- Kiểm tra, công nhận đối với các trường có cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo quy định.

2. Triển khai công tác phổ cập, xóa mù chữ

- Tiếp tục nâng cao công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục thực sự đạt hiệu quả; quan tâm chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp, tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị có liên quan cùng với cha mẹ trẻ để tuyên truyền, vận động, duy trì và tiếp tục nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi tới trường, huy động hầu hết trẻ em 6 tuổi vào lớp 1;

- Điều tra, thống kê số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp);

- Xây dựng kế hoạch để củng cố, duy trì và nâng cao kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục đối với các đơn vị cấp xã, huyện tại địa phương;

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tổ chức kiểm tra công nhận các đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục theo các mức

¹ Bộ GDĐT và Bộ LĐTBXH đã phối hợp làm việc để thống nhất phương án hướng dẫn các đơn vị thực hiện, Bộ GDĐT sẽ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể.

độ qua việc kiểm tra đánh giá kết quả của địa phương; qua việc kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật; kiểm tra hồ sơ thực hiện; kiểm tra số liệu trên hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và hồ sơ công nhận đạt chuẩn;

- Củng cố công tác điều tra số liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, rà soát báo cáo thống kê, hồ sơ lưu trữ về phổ cập theo quy định; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và tổ chức tập huấn, hướng dẫn, triển khai tới các đơn vị cấp xã để sử dụng, quản lý dữ liệu;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách của trẻ em, học sinh và giáo viên theo quy định;

- Duy trì, phát triển mô hình trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên mỗi địa bàn cấp huyện. Huy động sự tham gia của các mô hình cơ sở giáo dục thường xuyên trong công tác phổ cập, xóa mù chữ, đặc biệt là các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng;

- Huy động nguồn nhân lực, tài lực từ các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trên địa bàn cho công tác/các hoạt động phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

- Tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; sơ kết, tổng kết công tác phổ cập, xóa mù chữ.

3. Giám sát, đánh giá chương trình:

- Kiểm tra, giám sát, cập nhật số liệu, thu thập và xử lý thông tin về kết quả triển khai thực hiện chương trình;

- Tổ chức hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình;

- Định kỳ (6 tháng, 1 năm), tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ hàng năm của Chương trình để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mẫu báo cáo và biểu tổng hợp tại các phụ lục kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND cấp tỉnh tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo, quản lý, giám sát theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện tại địa phương.

2. Các địa phương căn cứ vào: Các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của ngành giáo dục được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; quy định và hướng dẫn phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình; định hướng xây dựng nông thôn mới của địa phương; tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị để xây dựng Kế hoạch và Dự toán hằng năm và

trung hạn, để cân đối, bố trí ngân sách trung ương hỗ trợ và tự cân đối để huy động thêm các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu.

3. Đối với công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, các địa phương căn cứ quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ để huy động lồng ghép các nguồn vốn và chi tiết hóa định mức các khoản chi tại địa phương.

4. Các văn bản dẫn chiếu trong công văn hướng dẫn này, nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các quy định có liên quan tại công văn hướng dẫn này được thực hiện theo các quy định đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

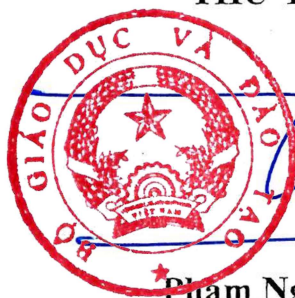
Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo UBND cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Cơ sở vật chất) để xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.

mt

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- Các Sở GD&ĐT, Sở GDKH&CN
Bạc Liêu (để t/h);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CSVC.



Chuong
Phạm Ngọc Thường

Phụ lục 1

(Kèm theo Công văn số **5115** /BGDDĐT-CSVC ngày **07**/10/2022 của Bộ GDĐT)

UBND TỈNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-.....

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
6 tháng ... năm /năm...**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện chỉ tiêu về giáo dục trên địa bàn.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” thuộc lĩnh vực giáo dục.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện các tiêu chí về giáo dục.

d) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân.

2. Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục, cụ thể:

- Văn bản về cơ chế chính sách;

- Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành;

- Đánh giá về tác động, hiệu quả của các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và cơ chế chính sách đối với giáo dục (những mặt được và chưa được cần điều chỉnh, bổ sung).

(Bổ sung thông tin cụ thể theo Phụ lục 2 kèm theo)

b) Chỉ đạo thực hiện tiêu chí giáo dục ở địa phương

- Những thuận lợi, khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành;

- Những nội dung công việc chỉ đạo đã thực hiện và kết quả đạt được;

- Những hạn chế, tồn tại cơ bản và nguyên nhân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Kết quả chung về xây dựng cơ sở vật chất trường học (Theo tiêu chí Trường học): Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục (phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, nhà vệ sinh, thiết bị dạy học,...).

2. Nâng cao chất lượng giáo dục

Kết quả về nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn (Theo tiêu chí Giáo dục và đào tạo):

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi;
- Phổ cập giáo dục tiểu học;
- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở;
- Kết quả xóa mù chữ và chống tái mù chữ;
- Kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (Trường THPT, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên)
- Những khó khăn, vướng mắc.

(Bổ sung số liệu theo Phụ lục 3 kèm theo)

3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động, thực hiện các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp
- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân (nếu có).

(Bổ sung số liệu theo Phụ lục số 4 kèm theo)

b) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân.

4. Kết quả thực hiện tiêu chí về giáo dục

- Số xã đạt tiêu chí Trường học;
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo;
- Số xã đạt cả 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và Đào tạo;
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao);
- Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao).

(Bổ sung số liệu theo Phụ lục 5 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM.../NĂM...

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

2. Mục tiêu cụ thể:

- Số xã đạt tiêu chí Trường học;
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo;
- Số xã đạt cả 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và Đào tạo;
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao);
- Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao).

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện

2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng mức vốn.

2. Cơ cấu nguồn lực:

- a) Ngân sách Nhà nước: Trực tiếp và lồng ghép; ngân sách các cấp;
- b) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp;
- c) Vốn tín dụng;
- d) Vốn doanh nghiệp;
- e) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

3. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-;
-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH
ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Tính đến thời điểm ngày tháng năm)

(Kèm theo Công văn số **5115** /BGDDT-CSVC ngày **04**/10/2022 của Bộ GDĐT)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Đơn vị ban hành	Ghi chú
I	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành						
1							
2							
3							
4							
....							
II	Văn bản về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục						
1							
2							
3							
4							
....							

Phụ lục 3

BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số 5115 /BGDDT-CSVC ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT)

TT	Chỉ số			Đơn vị tính	Cuối năm 2020	Hàng năm					Mục tiêu đến 2025	Tần suất báo cáo	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
						2021	2022	2023	2024	2025			Cấp huyện	Cấp tỉnh
I	CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH													
1	Hạ tầng kinh tế xã hội	Cơ sở vật chất trường học	1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Trường học	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.2. Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.3. Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.4. Tỷ lệ số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.5. Tỷ lệ số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.6. Tỷ lệ số trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.7. Tỷ lệ số trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.8. Tỷ lệ số trường PT có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.9. Tỷ lệ số trường PT có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			1.10. Tỷ lệ trường THPT đạt tiêu chuẩn CSVC	%								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.2. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Xã nông thôn mới nâng cao)	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.3. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí Giáo dục	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.4. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Huyện nông thôn mới nâng cao)	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.5. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 05 tuổi	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.6. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được phổ cập giáo dục mầm non	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.7. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 2	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT

TT	Chỉ số			Đơn vị tính	Cuối năm 2020	Hàng năm					Mục tiêu đến 2025	Tần suất báo cáo	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
						2021	2022	2023	2024	2025			Cấp huyện	Cấp tỉnh
2	Nâng cao chất lượng giáo dục	Nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn	2.8. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.9. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi huy động được vào lớp 1	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.10. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS cấp độ 2	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.11. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS cấp độ 3	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.12. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn xóa mù chữ cấp độ 2	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.13. Độ tuổi 15-60: Tỷ lệ biết chữ	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.14. Độ tuổi 15-35: Tỷ lệ biết chữ	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.15. Tỷ lệ số trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.16. Tỷ lệ số trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			2.17. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	%								Hàng năm	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
II	CHỈ SỐ THEO DÕI NGUỒN LỰC													
1	Cơ cấu nguồn lực huy động	Thực hiện nội dung xây dựng đảm bảo CSVC trường học	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Ngân sách địa phương									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Ngân sách lồng ghép									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Vốn tín dụng (nếu có)									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Vốn doanh nghiệp (nếu có)									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Vốn người dân và cộng đồng đóng góp									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
		Thực hiện nội dung nâng cao chất lượng giáo dục	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng								6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Ngân sách địa phương									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Ngân sách lồng ghép									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Vốn tín dụng (nếu có)									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Vốn doanh nghiệp (nếu có)									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
			Vốn người dân và cộng đồng đóng góp									6 tháng	Phòng GDĐT	Sở GDĐT

Phụ lục 4

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM 6 THÁNG.../NĂM...

(Kèm theo Công văn số 515/BGDDT-CSVC ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT)

ĐVT: triệu đồng

[illegible]

Phụ lục 5

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số 5115/BGDDĐT-CSVC ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT)

TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 31/12/2021	Thực hiện 6 tháng năm.../năm...	Kế hoạch 6 tháng cuối năm.../năm...	Ghi chú
I	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CẤP XÃ				
1	Xã nông thôn mới				
	Số xã đạt tiêu chí Trường học				
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo				
	Số xã đạt cả 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và Đào tạo				
2	Xã nông thôn mới nâng cao				
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục				
II	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CẤP HUYỆN				
1	Huyện nông thôn mới				
	Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Nội dung 5.3. - Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia, Nội dung 5.4 Trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục)				
2	Huyện nông thôn mới nâng cao				
	Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Nội dung 5.4. - Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia, Nội dung 5.4 Trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục)				